



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171: Yes, ☐ No, ☐

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN HỮU - KÍNH
Last Middle First

Current Address 1170/15 đường 3-2 Phường 12 Quận 11

Date of Birth November 14th 1952 Place of Birth Thị trấn Mỹ

Previous Occupation (before 1975) Thiếu úy Trung đội trưởng Cảnh sát dã chiến
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 28-6-1975 To 11-9-1980

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THỊ HỮU MINH
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

LAM XUAN THI

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN HỮU KINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRẦN THỊ BÃY	0-2-1953	Vợ
NGUYỄN HỮU GỖ	6-1-1976	con trai
NGUYỄN HỮU KHÁNH	30-3-1985	con trai
NGUYỄN HỮU THƯƠNG	23-11-1987	con gái

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Muốn được định cư tại Mỹ.

h's tuc

ỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
AMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.# _____

I-171: Yes, ☐ No, ☐

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN HỮU KÍNH
Last Middle First

Current Address 1170/15 đường 3-2 Phường 12 Quận 11

Date of Birth November 14th 1952 Place of Birth Thị trấn Mỹ

Previous Occupation (before 1975) Thiếu úy Trung đội trưởng Cảnh sát dã chiến
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 28-6-1975 To 11-9-1980

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THỊ HỮU MINH
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

LAM XUAN THI

B106

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Chánh Phó HS Chí Minh ngày 8/9/1989

Kính gửi Bà Thỏ.....

Coi và các bạn tôi đã nhận được thư của
Bà đề ngày 30-11-1989. Chúng tôi rất
vui mừng khi được thư Bà. Đang lễ phở
hội âm cho Bà ngay. Nhưng mãi đến

Tm HSC
10/18/89

Hôm nay tôi mới viết cho gửi đến Bà được.

Hôm nay tôi viết thư kính gửi đến
Bà, kính chúc Bà, ông Nguyễn Ngọc
Bích được như sức khỏe. Được biết
ngày 27-7-89 đã có sự thỏa thuận và
kết thúc của Mỹ+VN đồng ý cho SQHT
được định cư tại Mỹ. Do đó tôi gửi
đến Bà giấy tờ của tôi. Kính mong
Bà hãy hết lòng giúp đỡ để tôi được
đăng ký tên trong danh sách của Mỹ.
Đồng ý cho định cư. Hy vọng tôi đang

lo gây tò đặng Mỹ xuất cảnh tại VH
khi sau tôi sẽ hồ tước trên lai đân, Mỹ
gởi đến Bà. Có không biết phải diễn
tả bằng cách nào để Bà hiểu rõ được
hoàn cảnh hiện tại của tôi. Nhưng tôi
mong rằng Bà sẽ hiểu và mong Bà hãy
có gắng bằng mọi cách giúp đỡ cho tôi
tức tốc nhất nguyên. Sau cùng tôi kính
gởi lời kính thăm quý ông bà trong
hội. Trân trọng kính chào Bà, xin được
nắm tay Bà thật chặt

Nguyễn - hân - Kính

1170/15 đường 3-2 phường 12

Quận 11 TP HCM.

V Minh

hân



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171: Yes, ☐ No, ☐

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN HỮU KINH
Last Middle First

Current Address 1170/15 Đường 3-2 Phường 12 Quận 11

Date of Birth November 14th 1952 Place of Birth Thị trấn Mỹ

Previous Occupation (before 1975) Thiếu úy Trung đội Trườn, Cảnh Sát Sĩ Chấn
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 28-6-1975 To 11-9-1980

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THỊ HỮU MINH
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

LAM XUAN THI

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

NGUYỄN HỮU KINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRẦN THỊ BÃY	9-2-1953	Vợ
NGUYỄN HỮU GỎI	6-1-1986	con trai
NGUYỄN HỮU KHÁNH	30-3-1985	con trai
NGUYỄN HỮU THỦY TRANG	23-11-1987	con gái

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Muốn được định cư tại Mỹ.

BỘ NỘI VỤ
CỤC Q.L.T.G
TRẠI THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

Số 64/GRT

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của các độ cũ và đảng phái phản cộng hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên Bộ quốc phòng-Nội vụ số ... ngày ... về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng chính phủ.

Thi hành quyết định tha số: 109 Ngày 15 tháng 8 năm 1980 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: *Nguyễn Hữu Kinh*

Ngày, tháng, năm sinh: *14-11-1952*

Quê quán: *Thị trấn Mót*

Trú quán: *18/10C Khu 6 Phường Thủ Khoa Huân Quận 11 TP. HCM*

Số lịch cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức hình trị, phản động của chế độ cũ.

Thước kẻ: Trung đội trưởng Công an địa phương

- Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với ủy ban nhân dân và công an xã phường: *117/10-13 Khu 2 Hịng Thôn*

Thuộc Huyện: quận TX *Thị trấn Mót* Tỉnh, Thành phố: *Sông Bé*

và phải tuân theo các quy định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế: *12 tháng (từ khi khai hàng)*

- Thời hạn đi lương: *03 ngày* (kể từ ngày ký giấy ra trại)
Tiền và lương thực đi đường sẽ cấp từ trại về đến gia đình.

..... *9/10/80*

Ngày 15 tháng 9 năm 1980
PHÓ GIÁM TRẠI

Lân tay nhân trở lại
của: *Nguyễn Hữu Kinh*

Người được cấp
giấy ra

Kinh

Phạm Hữu Phúc



MINISTRY OF INTERIOR
DEPARTMENT OF Q.L.T.G
CAMP OF THU DUC
No. 624/GRT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

R E L E A S E P E R M I T

In accordance to Direction No. 316/TTG issued on Aug 22, 1977 by the Premier of the Government of The Socialist Republic of Viet Nam on the policy in regard to soldiers, officials of the old regime and of the reactionary parties who are now being re-educated in camps.

In accordance to Notice of the Ministries of Defence and Interior No. on about the carrying out of the Direction No. 316/TTG issued on 8/22/1977 by the Premier of the Government.

In carrying out the Release Decision No. 119 issued on Aug 15, 1980 by the Minister of Interior,

THE RELEASE PERMIT IS ISSUED TO

Full name : NGUYEN HUU KINH

Birth date : NOVEMBER 14, 1952

Birth Place : THU DAU MOT

Residence : 18/186 KHOM 6 PHUONG PHU HOA, QUAN 11, HO CHI MINH CTY
S/N No., Rank and function in the civil, military structure of the old regime and of the reactionary parties : Second Lieutenant, Platoon Leader of the Combat Police Force

On returning, this person must submit this permit to People's Committee and Police Department at 117 TO 13 KHU 2, HIEP THANH of THU DAU MOT, SONG BE PROVINCE.

He must comply to all regulations of People's committee of the Province on parole, residence and other aspects.

Period of parole : 12 months

Itinary Period : 3 days (from the day this permit is issued)

Itinary food and money have been provided to this person.

Fingerprint of right thumb

SEPTEMBER 11, 1980

of NGUYEN HUU KINH

DEPUTY SUPERINTENDENT

SIGNATURE OF PERMIT ER

CAPTAIN PHAN HUU PHUC

(Signed)

(Signed and sealed)

TRUE COPY FROM THE ORIGIN

MARCH 7, 1986

FOR PEOPLE'S COMMITTEE OF ALE 12, DISTRICT 11

RECORD OFFICIAL

(Signature and seal not clear)

I do hereby certify that the foregoing translation of the Vietnamese document is true and correct to the best of my knowledge and belief.

Tho Khanh Nguyen

Subscribed and sworn to before me
this 10th day of NOVEMBER, 1986

Dzung Do Nguyen

MINISTRY OF INTERIOR
DEPARTMENT OF Q.L.T.G
CAMP OF THU DUC
No. 624/GRT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

R E L E A S E P E R M I T

In accordance to Direction No. 316/TTG issued on Aug 22, 1977 by the Premier of the Government of The Socialist Republic of Viet Nam on the policy in regard to soldiers, officials of the old regime and of the reactionary parties who are now being re-educated in camps.

In accordance to Notice of the Ministries of Defence and Interior No. on about the carrying out of the Direction No. 316/TTG issued on 8/22/1977 by the Premier of the Government.

In carrying out the Release Decision No. 119 issued on Aug 15, 1980 by the Minister of Interior,

THE RELEASE PERMIT IS ISSUED TO

Full name : NGUYEN HUU KINH

Birth date : NOVEMBER 14, 1952

Birth Place : THU DAU MOT

Residence : 18/186 KHOM 6 PHUONG PHU HOA, QUAN 11, HO CHI MINH CTY S/N No., Rank and function in the civil, military structure of the old regime and of the reactionary parties : Second Lieutenant, Platoon Leader of the Combat Police Force

On returning, this person must submit this permit to People's Committee and Police Department at 117 TO 13 KHU 2, HIEP THANH of THU DAU MOT, SONG BE PROVINCE.

He must comply to all regulations of People's committee of the Province on parole, residence and other aspects.

Period of parole : 12 months

Itinary Period : 3 days (from the day this permit is issued)

Itinary food and money have been provided to this person.

Fingerprint of right thumb

SEPTEMBER 11, 1980

of NGUYEN HUU KINH

DEPUTY SUPERINTENDENT

SIGNATURE OF PERMIT ER

CAPTAIN PHAN HUU PHUC

(Signed)

(Signed and sealed)

TRUE COPY FROM THE ORIGIN

MARCH 7, 1986

FOR PEOPLE'S COMMITTEE OF ALE 12, DISTRICT 11

RECORD OFFICIAL

(Signature and seal not clear)

I do hereby certify that the foregoing translation of the Vietnamese document is true and correct to the best of my knowledge and belief.

Subscribed and sworn to before me
this 10th day of NOVEMBER, 1986

Tho Khanh Nguyen

Dzung Do Nguyen

Mdu HT2/P3

Thành phố, tỉnh : _____

Số 146.
Quyền số 1KSTH
Tam Kỳ

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Hữu Châu Khang Nam, nữ ☒ ☐	
Sinh ngày tháng, năm	hai ba, tháng tư, năm một chín tám bảy (23/4/1987)	
Nơi sinh	160 Gia. phú Q6	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Hữu Kinh 1952	Trần Thị Bảy 1953
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Nhà
Nghề nghiệp	CN	Nội trợ
Nơi ĐKNK thường trú	1170/15	Đường 3/2 P12, Q11
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Hữu Kinh	



Đã ký ngày 6 tháng 5 năm 1988
TM/UBND Quinn M Ký tên, đóng dấu Dine
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2021

Xã, thị trấn : _____
Thị xã, quận : 11 _____
Thành phố, tỉnh : _____

GIẤY KHAI SINH

Số 1416
Quyển số 1KST.H
Tạm Kê

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Hữu Thủy Khang Nam, nữ	
Sinh ngày tháng, năm	hai ba, tháng tư, năm một chín tám bảy (23/4/1987)	
Nơi sinh	160 Gia. phú Q6	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Hữu Kinh 1952	Trần Thị Bảy 1953
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	CN 1170/15	hội kho Đông 3/2 P12, Q11
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Hữu Kinh	



Đã ký ngày 6 tháng 5 năm 1987
TM/UBND. Anan M. Ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn Tân an
Thị xã, Quận Cây long
Thành phố, Tỉnh Cần long

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY KHAI SANH

Số _____
Quyển số _____

Họ và tên	NGUYỄN HỮU GỎI		Nam, Nữ
Sinh ngày tháng, năm	06.01.1976 (sáu tháng một năm một nghìn bảy sáu)		
Nơi sinh	ấp Trà ở xã Tân an, huyện Cây long tỉnh Cần long		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	NGUYỄN HỮU KINH 1952	TRẦN THỊ BÀU 1953	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt nam	Kinh Việt nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Công nhân Đường 12 - Quận 11 TP. Hồ Chí Minh	Làm ruộng ấp Trà ở xã Tân an, huyện Cây long tỉnh Cần long	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai.	TRẦN THỊ BÀU ấp Trà ở xã Tân an, huyện Cây long tỉnh Cần long 330360139		



Đăng ký ngày 13 tháng 1 năm 84
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



[Signature]
Hương Bc

Xã, Thị trấn Tân an

Thị xã, Quận Cần long

Thành phố, Tỉnh Châu long

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY KHAI SANH

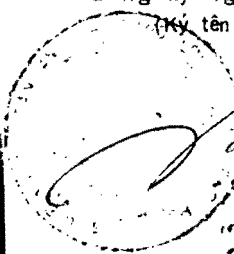
Số _____

Quyển số _____

Họ và tên	NGUYỄN HỮU GỎI		Nam, Nữ _____
Sinh ngày tháng, năm	06.01.1976 (sáu tháng một năm một chín bảy sáu)		
Nơi sinh	ấp Trà Ớp xã Tân an huyện Cần long tỉnh Châu long		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	NGUYỄN HỮU KINH 1952	TRẦN THỊ BAY 1953	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt nam	Việt nam	
Nghề nghiệp	Công nhân	Làm ruộng	
Nơi ĐKNK thường trú	Phường 12 - Quận 11 TP. Hồ Chí Minh	ấp Trà Ớp xã Tân an huyện Cần long tỉnh Châu long	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai.	TRẦN THỊ BAY ấp Trà Ớp xã Tân an huyện Cần long tỉnh Châu long 330360139		



Đăng ký ngày 13 tháng 1 năm 84
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



[Signature]
Hương Bc

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

XÃ Phú Cường

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1952

Số hiệu II83



Tên, họ đủ chữ	Nguyễn Hữu Kính
Phái	Nam
Sanh (ngày, tháng, năm)	Ngày Mười bốn tháng Mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi hai
Tại	Phú Cường
Cha (Tên, họ)	Nguyễn Hữu Tình
Nghề	Nghiep chủ
Cư trú tại	Chánh Hiệp (Thudaumot)
Mẹ (Tên, họ)	Dương thị Hiêm
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Chánh Hiệp (Thudaumot)
Vợ (Chánh hay thứ)	-----

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã

, ngày tháng năm 196

L. L. QUẬN-TRƯỞNG

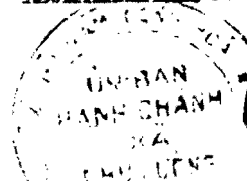
" MIEN THI THUC "

Tham-chiếu: TT số 4366-BNV/HC
ngày 3-8-1970 của Bộ Nội-Vụ

Trích y bản chính:

Phú Cường, ngày 10 tháng 10 năm 1970

CHỦ TỊCH KIỂM UỶ-VIÊN HỘ-TỊCH



NGUYỄN-THỊ-HAI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

XÃ Phú Cường

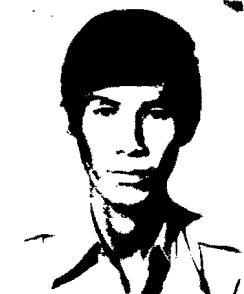
TỈNH BÌNH-DƯƠNG

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1952

Số hiệu II83

Tên, họ đủ chữ	Nguyễn Hữu Kính
Phái	Nam
Sinh (ngày, tháng, năm)	Ngày Mười bốn tháng Mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi hai
Tại	Phú Cường
Cha (Tên, họ)	Nguyễn Hữu Tình
Nghề	Nhiếp chủ
Cư trú tại	Chánh Hiệp (Thudaumot)
Mẹ (Tên, họ)	Dương Thị Hiêm
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Chánh Hiệp (Thudaumot)
Vợ (Chánh hay thứ)	-----



Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
hiện Ủy-viên Hộ-tịch Xã

ngày tháng năm 196

L. L. QUÂN - TRƯỞNG

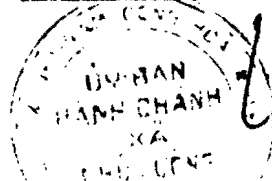
" MIEN THI THUC "

Tham-chiếu: TT số 4366-BNV/HC
ngày 3-8-1970 của Bộ Nội-Vụ

Trích y bản chính:

Phú Cường, ngày 10 tháng 10 năm 1970

CHỦ TỊCH HIỆN ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



NGUYỄN-THỊ-HAI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(République du Viet Nam)

Mẫu 117/ĐP 89/LS20
Khổ 21x27

BỘ TƯ- PHÁP
(Département de la justice)

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN
(Service judiciaire du Sud Viet Nam)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SC THẨM VINH BÌNH
(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH Tân-An
(Extrait du registre des actes de naissance)

Trà-Vinh (NAM PHÂN)
(Sud Viet Nam)

NĂM 1953
(Année)

SỐ HIỆU 264
(Acte No)

Tên họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Trần thị Bảy
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 09 tháng 02 năm 1953
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-An (Trà-Vinh)
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Trần văn Thái
Cha làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-An (Trà-Vinh)
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Võ thị Sơn
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-An (Trà-Vinh)
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

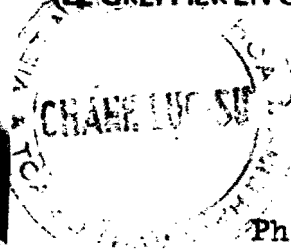
Chúng tôi
(Nous)
Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)
Chứng cho hợp pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông
(M.)
Chánh-lục-sự Tòa-án sở tại
(Greffier en Chef dudit tribunal)

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

Vinh-Bình ngày 21 tháng 08 năm 19 69

CHÁNH - LỤC - SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)

ngày
CHÁNH ÁN
(LE PRÉSIDENT)



Phạm-Vũ-Thường

Giá tiền 5000
(Cout)

Biên lai số: 895-bl
(Quittance No)

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
(République du Viet Nam)

BỘ TƯ- PHÁP
(Département de la justice)

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN
(Service judiciaire du Sud Viet Nam)

Mẫu 147/ĐP 89/LS20
Kbđ 21x27

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ THẨM VINH BÌNH
(GREFFE DU TRIEBUNAL DE)

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH Tân-An
(Extrait du registre des actes de naissance)

Trà-Vinh (NAM PHẦN)
(Sud Viet Nam)

NĂM 1953
(Année)

SỐ HIỆU 264
(Acte No)

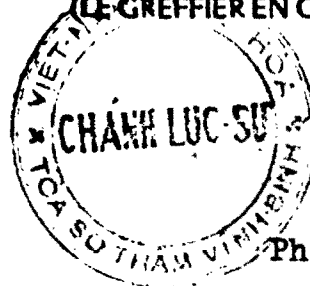
Tên họ đưa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Trần thị Bảy</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nữ</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>Ngày 09 tháng 02 năm 1953</u>
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Tân-An (Trà-Vinh)</u>
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Trần văn Thái</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tân-An (Trà-Vinh)</u>
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Võ thị Sơn</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tân-An (Trà-Vinh)</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>

Chúng tôi
(Nous)
Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)
Chứng cho hợp pháp chữ ký của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông
(M.)
Chánh-lục-sự Tòa-án sở tại
(Greffier en Chef dudit tribunal)

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

Vinh-Bình ngày 21 tháng 08 năm 19 69

CHÁNH - LỤC - SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



Phạm-Vũ-Thường

Giá tiền 5800
(Cost)

Biển lai số: 895-bl
(Quittance No)



Xã, thị trấn: 12

Thị xã, quận : _____

Thành phố, tỉnh : HCM.

GIẤY KHAI SINH

Số 110
Quyển số 1

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Văn Khanh		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ba mươi, tháng ba, năm một nghìn chín trăm năm mươi ba (30/3/1953).			
Nơi sinh	Xã Hòa Bình, Huyện Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Văn Kính 1952		Trần Thị Bảy 1953	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	thợ may		Nữ công nhân	
Nơi ĐKNK thường trú	466/53		đường 312	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Văn Kính			



Đăng ký ngày 26 tháng 7 năm 85

TM/UBND Ký tên, đóng dấu

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

ỦY VIÊN T+K 3-2



МДВ НТ2/РЗ

Thành phố, tỉnh : Hải

Số 110
Quyển số 1

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Tuấn Khanh		Nam, nữ: Nam
Sinh ngày tháng, năm	Hà Nội, Thanh Hóa, ngày một chẵn tháng Bảy 1952.		
Nơi sinh	Xã Yên Phú		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Hữu Kiên 1952	Trần Thị Bền 1953	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Học sinh	Học sinh	
Nơi ĐKNK thường trú	456 / 53	đg 212	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Hữu Kiên		



Đăng ký ngày 26 tháng 7 năm 85

TM/UBND

Ký tên, đóng dấu 

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

ỦY VIÊN TỈNH ỦY



Encl. 6/23/42

BỘ NỘI VỤ
CỤC Q.L.T.G
Trại Thủ Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

Số 64/GRT

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TG ngày 22-8-1977 của Thủ tướng chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên Bộ quốc phòng - Nội Vụ số ... ngày ... về việc thực hiện chỉ thị số 316/TG ngày 22-8-1977 của Thủ tướng chính phủ.

Thi hành quyết định của số: 119 Ngày 15 tháng 8 năm 1980 của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: *Nguyễn Hữu Kinh*

Ngày, tháng, năm sinh: 14-11-1952

Quê quán: *Thị trấn Mốt*

Trú quán: *18/18C Khu 6 phường Thủ Đức, Quận 11, TP. HCM*

Số lịch cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức hành trị, phản động của chế độ cũ.

Thước kẻ: Trung đội trưởng Công an địa phương

- Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với ủy ban nhân dân và công an xã phường: *117-10-13 Khu 2, Hiệp Thành*

Thuộc Huyện, Quận TX *Thị trấn Mốt* Tỉnh, Thành phố: *Sông Bé*

và phải tuân theo các quy định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế: *12 tháng (từ khi ra trại)*

- Thời hạn đi lương: 03 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại) Tiền và lương thực đi đường sẽ cấp từ trại về đến gia đình.

.....*Đã làm*.....

Ngày 14 tháng 9 năm 1980

PHÓ GIÁM TRẠI

Lần tay nhận trở lại

của: *Nguyễn Hữu Kinh*

Người được cấp

giấy này

Binh

Phạm Hữu Phước



American Council for Nationalities Service
20 West 40th Street, New York, N.Y. 10018

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
QUESTIONNAIRE/AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
(To be completed by U.S. Relative)

Telex Number: 62492 UW
Cable Address: NATSERVE N.Y.

SECTION I.

My name is LAM, XUAN THI
Other names I have used _____
My date of birth 10/17/1917
My place of birth HUE CENTER VIETNAM
My present address _____

My phone number is 444 9148

SECTION II.

I entered the U.S. on 10/29/1981 from PHILIPPINES
(date) (country)
My status in the U.S. is ☐ Parolee ☒ Permanent Resident
☐ U.S. Citizen ☐ Conditional Entrant
My ALIEN REGISTRATION NUMBER IS: A- 25-294633
My NATURALIZATION CERTIFICATE NUMBER IS: _____
Voluntary Agency ACNS

SECTION III.

These are my immediate relatives whom I have requested to join me from Vietnam:

NAME	RELATION- SHIP	DATE & PLACE OF BIRTH	PRESENT ADDRESS	EXIT PERMIT # (if avail- able)	I HAVE FILED IF YES: AN IMMIGRANT CITY OF INS VISA PETITION OFFICE	DATE FILED	DATE APPROVED	COUNTRY PETITION WAS SENT TO
					NO YES			
<u>NGUYEN, HUU KINH</u>	<u>Nephew</u>	<u>11/14/1952 V.N</u>	<u>466/53: DUBN 3 THANG 2</u>					
			<u>F12 Q11 HO CHI MINH VN</u>					
<u>TRAN, THI BAY</u>	<u>Nephew's wife</u>	<u>02/9/1953 V.N</u>	<u>" "</u>					
<u>NGUYEN, HUU GOI</u>	<u>Nephew's son</u>	<u>01/06/1976 V.N</u>	<u>above</u>					
<u>NGUYEN, HUU KHANH</u>	<u>Nephew's son</u>	<u>03/30/1985 V.N</u>	<u>above</u>					

These are persons whom I have requested to accompany my relative(s) from Vietnam:

_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____

SECTION IV.

The following are persons whom I would like to join me from Vietnam (listed in SECTION 3), AND who were closely associated with U.S. programs, U.S. government organizations, or U.S. firms in Vietnam before April 1975:

NAME	DESCRIPTION OF ASSOCIATION (If possible include dates, positions, supervisors, nature of duties, awards, etc.)

SECTION V.

These are the rest of my family members NOT listed in SECTION III. (Please include your parents, brothers, sisters, spouse, and children. Please include persons who are deceased as well.)

NAME	RELATIONSHIP	DATE/PLACE OF BIRTH	PRESENT ADDRESS
NGUYEN THI MINH NINH	Wife	1925	139 HIS LY CHINH TRUNG Q3 HOCHIMINH CITY VIETNAM
LAM, XUAN HUNG	Son	1952	285 NGUYEN TRAI Q1 HOCHIMINH (Saigon VIETNAM)
LAM, XUAN DUC	grandson	1976	(near RM Hat Suoi Thanh) HOCHIMINH City (VIETNAM)

SECTION VI.

If you are married:

NAME OF WIFE/HUSBAND	DATE/PLACE OF BIRTH	PRESENT ADDRESS
----------------------	---------------------	-----------------

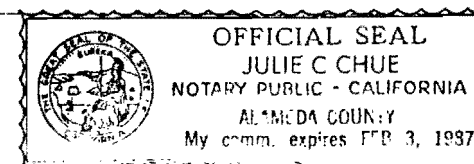
Give the date and place where you were married: _____

SECTION VII.

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature X Lam Xuan Duc Date 11/7/86
 Subscribed and sworn to before me,

Julie C. Chue
 (Signature of Notary Public)



Nov. 7th, 1986
 (Date)

My commission expires: Feb. 3rd, 1987

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN HỮU KÍNH
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 11 14th 1952
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Có
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 1170/15 Đường 3-2 Phường 12 Quận 11
 (Dia chi tai Viet-Nam) TP Hồ Chí Minh
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 28-6-1975 To (Den): 11-9-1980
 PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Tam Hiệp Biên Hòa - Trảng Lớn - Chí Hòa - Cà Mau - Căn cứ 5 Thuận Hải
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): _____
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu úy
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Trưởng đội trưởng cảnh sát
đã chiến Date (nam): 1973
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Có năm 1976
 IV Number (So ho so): Chưa có
 No (Khong): Chưa có
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 1170/15 Đường 3-2 Phường
12 Quận 11 TP Hồ Chí Minh
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Nguyễn Thị Huệ Minh (Chị ruột) 116 rue de Ménémontant
75020 Paris France
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Chị ruột
 NAME & SIGNATURE: _____
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 1170/15 Đường
3-2 Phường 12 Quận 11 TP Hồ Chí Minh
 DATE: _____
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
9 8th 1989

Handwritten signature:
 Linh

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

NGUYỄN - HỮU - KÍNH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần - Thị - Bảy	September 9-2-1953	Vợ
NGUYỄN - HỮU - GỎI	6-1-1976	con trai
NGUYỄN - HỮU - KHÁNH	30-3-1985	con trai
nguyễn hữu thủy Trang	23-4-1987	con gái

DEPENDENT'S ADDRESS IS DIFFERENT FROM ABOVE:

ADDITIONAL INFORMATION : Muốn được định cư tại Mỹ.

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý:

1. — Giấy kiểm tra này dành cho những người cư trú không hợp pháp.
2. — Khi mất phải báo ngay cho chính quyền địa phương (công an) biết.
3. — Khi muốn chuyển đi đâu phải được phép của chính quyền địa phương (công an).
4. — Không cho người khác mượn giấy này.
5. — Giấy kiểm tra này không có giá trị thay tờ Hộ khẩu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6

GIẤY KIỂM TRA
NGƯỜI CƯ TRÚ KHÔNG HỢP PHÁP

Số: _____ /KT

Họ và tên chủ hộ: Trần Văn Bảy

Địa chỉ - cư trú hiện nay: Số nhà 47/115

Đường phố (tổ): Đường 3 Phường (xã): 12

Quận (huyện): 1

Ngày 10 tháng 04 năm 1984

TRƯỞNG CÔNG AN

(Ký tên đóng dấu)

PHỤ CẤP DƯỚI ĐỒNG



Trần Văn Bảy

NHỮNG NGƯỜI TRONG HỘ

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH		QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ	SỐ C.M.N.D.	NGHỀ NGHIỆP	NGÀY THÁNG NĂM ĐẾN TP	Ơ ĐAU ĐẾN (TỈNH HUYỆN TỈNH)	GHI CHÚ
		NAM	NỮ						
01	Trần Thị Hằng		1973	chủ hộ			1983	Đông Long - Đông Long	
02	Nguyễn Văn Hải	1952		cháu			1983	nt.	
03	Nguyễn Văn Hải	1972		con			1983	nt.	
04	Nguyễn Văn Hải	1975		con			1985	nt.	
05	Nguyễn Thị Hằng								
	Đặng Văn		1987	con			1987		
06	Trần Thị Hằng		1969	cháu			1983	nt.	

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý:

1. — Giấy kiểm tra này, dành cho những người cư trú không hợp pháp.
2. — Khi mất phải báo ngay cho chính quyền địa phương (công an) biết.
3. — Khi muốn chuyển đi đâu, phải được phép của chính quyền địa phương (công an).
4. — Không cho người khác mượn giấy này.
5. — Giấy kiểm tra này không có giá trị thay tờ Hộ khẩu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6

GIẤY KIỂM TRA
NGƯỜI CƯ TRÚ KHÔNG HỢP PHÁP

Số: 1 /KT

Họ và tên chủ hộ: Trần Thị Ngọc

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà 470/15

Đường phố (tổ): 2 Tháng 2 Phường (xã): 10

Quận (huyện): 11

Ngày 10 tháng 04 năm 1984

TRƯỞNG CÔNG AN

(Ký và đóng dấu)
PHÓ CÔNG AN



Trần Thị Ngọc

NHỮNG NGƯỜI TRONG HỘ

[illegible]

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN HỮU KÍNH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 11 11 1952
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Đam Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : Đam
(Tình trạng gia dinh) :

ADDRESS IN VIETNAM : 1170/15 Đường 3-2 Phường 12 Quận 11
(Dia chi tai Viet-Nam) TP Hồ Chí Minh

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) Đam No (Khong) _____

If Yes (Neu co) : From (Tu) : 28-6-1975 To (Den) : 11-9-1980

PLACE OF RE-EDUCATION : Trại tam giác Bình Hòa - Trảng Lớn - Củ Chi - Cà Mau - Cánh đồng Thảm Ho
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) : _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Thiếu úy

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Trưởng đội bảo vệ Cảnh sát
Đã chuyển Date (nam) : 1973

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don pho ODP) : Yes (Co) : Đam năm 1976

IV Number (So ho so) : Đam

No (Khong) : Đam

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : _____
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 1170/15 Đường 3-2 Phường
12 Quận 11 TP Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :

Ông Nguyễn Thị Huệ Minh (chị ruột) 116 rue de Ménilmontant
75020 Paris France

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : Chị ruột

NAME & SIGNATURE : _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 1170/15 Đường
3-2 Phường 12 Quận 11 TP Hồ Chí Minh

DATE : _____
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

9

8th

1989

Minh

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN - HUU - KINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần - Thị - Bảy	September 0-2-1953	Vợ
Nguyễn Hữu - Gôi	6-1-1976	con trai
Nguyễn Hữu Khánh	30-3-1985	con trai
Nguyễn Hữu Thủy Trang	13-4-1987	con gái

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above):

ADDITIONAL INFORMATION : Muốn được Anh cư tại Mỹ.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 128440

LOI#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU KINH
Last Middle First

Current Address: 466/53 Street (ĐƯỜNG) 3/2 F12 QUẬN 11 HOCHIMINH City
VIETNAM

Date of Birth: NOVEMBER 14, 1952 Place of Birth: THU DAU MOT

Previous Occupation (before 1975) SOLDIER, SECOND LIEUTENANT PLATOON LEADER
(Rank & Position) OF THE COMBAT POLICE FORCE

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1975 To SEPT. 11 - 1980
Years: 5 years Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
NAME <u>LAM, XUAN THI</u> 1 refugee Vietnamese	<u>FRIEND</u>
ADDRESS _____	<u>Teacher of his</u>
_____	<u>sister</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Jan 18/90

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HUU KINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN, THI BAY	Feb 09/1953	wife
NGUYEN, HUU GOI	Jan 06/1976	son
NGUYEN, HUU KHANH	Mar 30/1983	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

RESIDENT ALIEN

U.S. Department of Justice, Immigration and Naturalization Service

LAM, XUAN THI



NAME

102217

DOB

A25294633

EXPIRATION DATE

SFR REG

DATE OF BIRTH

Lam Xuan Thi



ALIEN REGISTRATION RECEIPT CARD
PERSON IDENTIFIED BY THIS CARD IS ENTITLED TO RESIDE PERMANENTLY AND WORK IN THE U.S.

25294633 21 39 715 662 28946

A NUMBER

SS N

CK

M 1

M 2

PARTY 1

8836 03710 88522 39517 80629

PBO

10W 1

OW 2

10W 3

PARTY 2

102981 266 098 12500 3605344

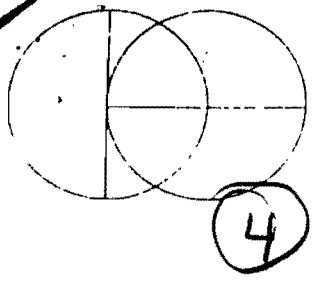
ADM. ADJ. DATE

DOB

SS CODE

SOUND EX

PARTY 3



International Institute of the East Bay

297 Lee Street • Oakland, California 94610 • Telephone 451 2846

Date : 11 / 12 / 86

Joint Voluntary Agency Representative
Orderly Departure Program Section
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346 - 0001

RE : Nguyen Huu Kinh (4)

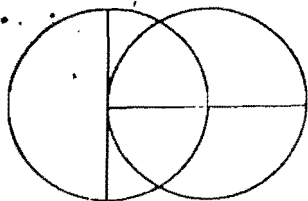
Gentlemen :

enclosed please find an Affidavit of Relationship
filed by Lam Xuan Thi on behalf of name
above (4) with a copy green card

Sincerely

Rahim Aurang, Coordinator
Refugee Resettlement Program





③

International Institute of the East Bay

297 Lee Street • Oakland, California 94610 • Telephone 451-2846

BOARD OF DIRECTORS

President
Rudolph Beserra

Vice Presidents
Sanford Wechsler
Dr. Herbert K. Chung
Mrs. Robert G. Gaines

Secretary
Mrs. Stefan Riesenfeld

Treasurer
Robert Nelson

Timothy Abel
Mrs. Ignacio Aquino
Mrs. Herbert H. Blasdale
Giulio P. Boeri
Dr. Helen Buckholtz
Jackie Davis
Paul G. de Alva
Mrs. Arthur L. Guerra
Mrs. Cranston W. Hulse
Mrs. Hewitt D. Kendall
J. B. L. Libresco
Erlich Loving
Philip J. Martin
Christine Moore
Kenneth Morrison
William Penn Mott, Jr.
Elizabeth E. Pfeiffer
Mrs. Bertha M. Riley
Mrs. Ralph Rose
W. L. Rothschild, Jr.
Mrs. Kazuko Tsuchiya
Leon von Schachtmayer
John C. Weaver, Jr., M.D.
Dr. Alina Wierzbianska

Life Members
Anthony Astorgano
Sam Lazar
Dr. Elizabeth Lowe
Mrs. C. G. Morrison
Mrs. Derry Dean Sparlin
Reiko Homma True, Ph.D.

Executive Director
Miss Zoe Borkowski, M.S.W.

Contra Costa Branch
Dr. Roger O'Connor, Advisor

Hayward Branch
Timothy Abel, Advisor

Member - American Council for
Nationalities Service

Date: 11 / 12 / 86

Re: Nguyen Huu Kinh (4)

Dear:

Enclosed please find two copies of:

1. Our letter to the UNHCR Branch Office in New York and ODP Thailand
2. Your Affidavit of Relationship and copy
of Green card
3. One copy is for your records, and the second you can
forward to Your wife in Viet Nam

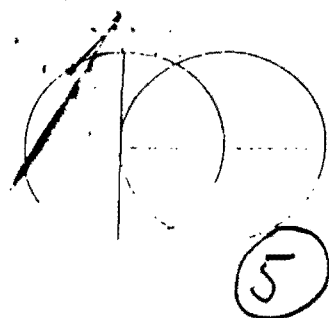
The process to qualify refugees for resettlement to the
United States is a time consuming one and can take
several months.

As soon as I have any news I will inform you. In the
meantime, if you have any questions, please let me know.

Sincerely,

Rahim Aurang
Rahim Aurang, Coordinator
Refugee Resettlement Program

RA:gp
Encl.



International Institute of the East Bay

297 Lee Street • Oakland, California 94610 • Telephone 451-2846

Date: 11 / 12 / 86

American Council for Nationalities Service
95 Madison Avenue
New York, N. Y. 10016
Tel. (212) 532-5858

Re: Nguyen Huu Kinh (4)

Gentlemen:

Enclosed please find an Affidavit of Relationship file

by Lam Xuan Thi on behalf of
name above (4) with copy of

Sincerely,


Rahim Aurang, Coordinator
Refugee Resettlement Program

RA:gp
Encl.

Republic of Vietnam
Department of Justice
VINH BINH
TAN AN

EXCERPT from Civil RECORDS
of Vinh Binh, TAN AN
Year of 1953 NE 264

(18)

Name of child TRAN THI BAY (female)

Date of birth 02-09-1953

Place of birth TRA VINH

Child of - TRAN VAN THAI (peasant)

Residence TRA VINH

and - VO THI SON (peasant)

Residence TRA VINH, wife of
first rank.

Extract from the original record

Vinh Binh, 03-21-1969

Officer of Civil record
Signature and seal

PHAM VO THUONG

Translator,
LAM, XUAN THI

Lam Xuan Thi

State of **CALIFORNIA**

County of **SAN FRANCISCO**

SS.

On this the 14th day of October, 1981, before me,

CAN DINH LAI

the undersigned Notary Public, personally appeared

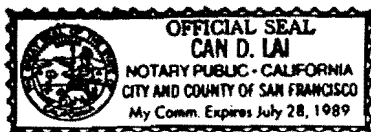
THAI & LAM

☒ personally known to me

☐ proved to me on the basis of satisfactory evidence

to be the person(s) whose name(s) is he subscribed to the
within instrument, and acknowledged that he executed it.

WITNESS my hand and official seal.



Notary's Signature

CAN DINH LAI

BỘ TƯ-PHÁP

(Département de la justice)

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHÂN

(Service judiciaire du Sud Viet Nam)



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

SỞ THẨM VINH BÌNH

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Tân-An

(Extrait du registre des actes de naissance)

Trà-Vinh

(NAM

PHÁP

(Sud

Viet Na

NĂM 1953

(Année)

SỐ HIỆU 264

(Acte No)



Tên họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Trần thị Bảy
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 09 tháng 02 năm 1953
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-An (Trà-Vinh)
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Trần văn Thái
Cha làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-An (Trà-Vinh)
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Võ thị Sơn
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-An (Trà-Vinh)
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi

(Nous)

Chánh-án Tòa

(Président du Tribunal)

Chứng cho hợp pháp chữ ký tên của

(Certifications l'authenticité de la signature de)

Ông

(M.)

Chánh-Lục-sự Tòa-án sở tại

(Greffier en Chef dudit tribunal)

Ngày

19

CHÁNH ÁN

(LE PRÉSIDENT)

Trích y bản chánh

(Pour extrait conforme)

Vinh-Binh ngày 21 tháng 08 năm 1960

CHÁNH - LỤC - SỰ

(LE GREFFIER EN CHEF)

CHỨNG THỰC

SAC V. CHÁNH

Ngày 21/8/1960

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

Giá tiền 5.500

(Cout)

Biên lai số: 895-b1

(Quittance N°)



CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

CHÁNH LỤC SỰ

Phạm-Vũ-Thước

Hà Thị Ngọc Nhân

Republic of Vietnam

Saigon city,
District Second

No 372

(21)

EXCERPT from ACT of MARRIAGE

Name of husband NGUYEN HUU KINH

Date of birth 11-17-1952

Place of birth THE DAU HET

Name of father's husband NGUYEN HUU TINH (dead)

Name of mother's husband DUONG THI HIEM

Name of wife TRAN THI BAY

Date of birth 02-9-1953

Place of birth TRA VINH

Name of father's wife: TRAN VAN THAI

Name of mother's wife: VO THI SON

Date of wedding 02-6-1975

Saigon, 02-21-75

Civil officer

Signature and seal
illegible

Translator

(Lam Xuan Chi
Lam Xuan Chi)

State of **CALIFORNIA** }
County of **SAN FRANCISCO** } SS.

On this the 14th day of October 19 75, before me,

CAN DINH LAI,

the undersigned Notary Public, personally appeared

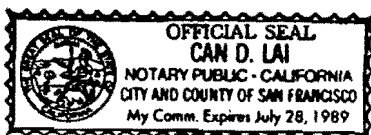
M & W

☒ personally known to me

☐ proved to me on the basis of satisfactory evidence

to be the person(s) whose name(s) is he subscribed to the
within instrument, and acknowledged that he executed it.

WITNESS my hand and official seal.



Notary's Signature

CAN DINH LAI

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THƯ

22

Lập ngày 06 tháng 02 năm 19 75

378

Tên họ chồng	NGUYEN HUU KINH
Ngày và nơi sanh	14-11-1952 tại Chánh-Hiệp(Thủ-dầu-Một)
Tên họ cha chồng	Nguyễn Hữu Tình (Sống/chết)
Tên họ mẹ chồng	Dương thị Hiêm (Sống/chết)
Tên họ vợ	TRẦN THỊ BAY
Ngày và nơi sanh	09-02-1953 tại Tân-An (Trà-Vinh)
Tên họ cha vợ	Trần văn Thái (Sống/chết)
Tên họ mẹ vợ	Võ thị Sơn (Sống/chết)
Ngày lập hôn thú	Ngày mừng sáu tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm.
Có lập hôn kế không	-/

CHUNG THỰC

Y BAN CHANH

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Sau này 21 tháng 02 năm 19 75

Socialist Republic
of Vietnam
District CAN LONG
Province Cu Long

EXTRACT of BIRTH CERTIFICATE
issued to Nguyen Huu Goi (male)

Name of child NGUYEN HUU GOI (male)
Date of birth 01-06-1976
Place of birth Cu Long
child of - NGUYEN HUU LINH (1952) Vietnam
profession: labor of Ho Chi Minh city
and - TRAN THI BAY (1953) peasant, TAN AN

Extract from the original record
01-13-1984

Translator,
LAM, XUAN THI
Lam Xuan Thi

Signature and seal
HOANG BE.

State of CALIFORNIA
County of SAN FRANCISCO } SS.

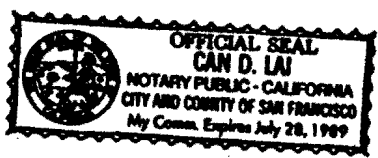
On this the 14th day of September 1984 before me,

CAN DINH LAI

the undersigned Notary Public, personally appeared

THU X. CAM

☐ personally known to me
☒ proved to me on the basis of satisfactory evidence
to be the person(s) whose name(s) _____ subscribed to the
within instrument, and acknowledged that _____ executed it.
WITNESS my hand and official seal.



Can Dinh Lai
Notary's Signature CAN DINH LAI

BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

trên Tân an

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Quận Cây longphố, Tỉnh Châu long

26

GIẤY KHAI SANH

Số

Quyển



Họ và tên

NGUYỄN HỮU GỎI

Nam, Nữ

Sinh ngày

06.01.1976

tháng năm

(sai tháng một năm một chín bảy sáu)

Nơi sinh

ấp Trã Ớp xã Tân an
huyện Cây long tỉnh Châu long

KHAI VỀ CHA MẸ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi hoặc

NGUYỄN HỮU KINH

TRẦN THỊ BÀU

ngày, tháng, năm sinh

1952

1953

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt nam

Việt nam

Nghề nghiệp

Công nhân

Làm ruộng

Nơi ĐKKK thường trú

Thường trú -- quán 11
tr. Hồ Chí Minhấp Trã Ớp xã Tân an
huyện Cây long tỉnh Châu longHọ, tên, tuổi nơi ĐKKK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc C.N.C.C. của
người đứng khai.

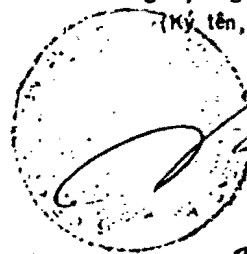
TRẦN THỊ BÀU

ấp Trã Ớp xã Tân an
huyện Cây long tỉnh Châu long

330360139

Đã ký ngày 13 tháng 1 năm 84

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



Hưng Bc

SOCIALIST REPUBLIC
of VIETNAM

EXTRACT of BIRTH issued
No 110
to NGUYEN HUU KHANH

NAME : NGUYEN HUU KHANH (male)
Date of birth 03-30-1985
Place of birth 160 GIA PHU
Child of - NGUYEN HUU KINH (1952) VIETNAM
mechanician
- TRAN THI BAY (VIETNAM)
housewife.

Extract from original record
07-26-1985

Translator,
LAM, XUAN THI
Lam Xuan Thi

Civil officer
signature and seal
illegible

State of **CALIFORNIA**

County of **SAN FRANCISCO**

SS.

On this the 14th day of October 1986, before me,

CAN DINH LAI

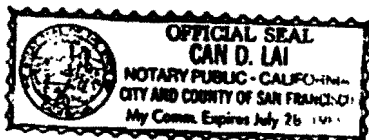
the undersigned Notary Public, personally appeared

THU X LAM

☒ personally known to me

☐ proved to me on the basis of satisfactory evidence

to be the person(s) whose name(s) THU X LAM subscribed to the
within instrument, and acknowledged that he executed it.
WITNESS my hand and official seal.



Notary's Signature

CAN DINH LAI

Tuổi: 12

Quê: 15

Xã, phường, tỉnh: HCM

28

GIẤY KHAI SINH

Số: 110

Quyển số: 110

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	Nguyễn Tuấn Khanh		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ba mươi tháng ba, năm một nghìn tám trăm (30.3.1985)			
Nơi sinh	160 gia - Phú			
Khái về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Hữu Kinh 1952		Trần Thị Bảy 1953	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Đã nghỉ		Nữ	
Nơi ĐKNK thường trú	Số 153		Số 312	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Hữu Kinh			

CHỨNG THỰC

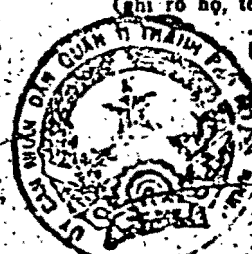
SAO YẾU CHANH
Ngày 12 tháng 12 năm 1985
TM UBND P. 12 Q. 11

Đăng ký ngày 26 tháng 7 năm 85

TM/UBND Q. 11 Ký tên, đóng dấu

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

ỦY VIÊN T. 11



ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
QUESTIONNAIRE/AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
(To be completed by U.S. relative)

Section I.

(9)

Section II.

My name is Tran AUAH LAN
Other names I have used _____
My date of birth 10/22/1917
My place of birth HUE, Center of Viet Nam
My present address _____

I entered the U.S. on 10/29/1981 from PHILIPPINE
My status in the U.S. is Permanent Resident
My Alien registration number is: A25-294-633
My naturalization certificate number is: N/A
Voluntary agency ACNE

My phone number is _____

Section III

These are my immediate relatives whom I have requested to join me from Viet Nam:

<u>name</u>	<u>relationship</u>	<u>Date & place of birth</u>	<u>Present address</u>	
NGUYEN HUU KINH	nephew	14 Nov. 1952 Thu Dau Hot VN	466/53 Duong 3/2 P12Q11/(other columns N/A) Ho Chi Minh city VN	
TRAN THI BAI	nephew's wife	09 Feb. 1953 Tan An	-id-	
NGUYEN HUU GOI	" son	06 Jan. 1976 "	-id-	
NGUYEN HUU KHANH	" "	30 Mar. 1985 Gia Phu	-id-	

There are persons whom I have requested to accompany my relatives from Viet Nam

Section IV: The following are persons whom I like to join me from Viet Nam (listed in Section III), AND who were closely associated with U.S. program, U.S. Gov't organizations or U.S. firms in Viet Nam before April 1975:

<u>name</u>	<u>Description of association (if possible include dates, positions, supervisors etc...)</u>
NGUYEN HUU KINH	2nd Lt. Police Force (Attack Squadron) Assistant Section Leader Section 5/Company 11/Special Squadron 5/Police Attacking Force. Supervisor: LTC. LUU MINH HAO, American Advisor: PAUL G. ANDERSEN. Had undergone refresher course for <u>Section Leader</u> at Da Lat, VN. Spent 5 years in re-education camps from 28 Jun. 1975 to 11 Sept. 1980

Section V

<u>name</u>	<u>relationship</u>	<u>Date/Place of birth</u>	<u>Present address</u>
NGUYEN HUU THAI	Father		deceased
DUONG THI HIEM	Mother	1920	466/53 Duong 3/2 P12/Q.11 Ho Chi Minh city VN

Section VI

Name of wife/husband TRAN THI BAI (wife) D/POB: 09 Feb. 1953 Tan An VN Married at Saigon on 06 Feb. 1975

Section VII: I swear that the above information is true to the best of my knowledge

Signature

Date

Signature of notary public

My commission expires

Phụ-thủ-Tướng
Trưởng Cảnh Sát Quốc Gia
Bộ Chỉ-Huy CSQG/Thủ-Đoàn
Chỉ-Huy Biệt-Đoàn 5/CSQG

01001/ĐD5/CSQG/B1.

U - L E N H

Chiếu nhậm-cầu công-vụ ;

Lô-Chỉ-Huy Biệt-Đoàn quyết định đồ cử các Sĩ-Quan có tên
sau đây giữ chức-vụ :

ĐAT THUỐC QUYỀN XỬ DỤNG CỦA ĐD 1/ĐD5/CSQG (Thủ-Đoàn Cảnh Sát Quốc Gia)

- Thiếu-Ủy NGUYỄN-VĂN-SƠN (24-10-49).
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 3/ĐD3/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy NGUYỄN-VĂN-ÍT (22-06-46)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 1/ĐD4/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy TRẦN-VĂN-HẠY (21-10-46)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 1/ĐD6/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy HUỖNH-VĂN-BA (02-04-49)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 4/ĐD6/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy LÊ-VĂN-QUÂN (21-03-47)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 1/ĐD7/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy TRẦN-VĂN-THÀNH (1951) :
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 4/ĐD7/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy NGUYỄN-VĂN-CHÍNH (16-08-46)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 1/ĐD8/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy HUỖNH-VĂN-VĂN (03-05-46)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 1/ĐD9/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy HÀ-TẤN-THÀNH (19-09-49)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 2/ĐD10/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy NGUYỄN-NGỌC-MÁ (22-04-44)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 3/ĐD10/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy NGUYỄN-TÀI-THIỆC (16-04-47)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 4/ĐD10/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy TRẦN-THÀNH-NHÂN (05-07-49)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 2/ĐD11/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy PHÂN-KIM-LƯƠNG (03-05-47)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 3/ĐD11/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy HỒ-BÁ-TOÀN (04-04-47)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 5/ĐD11/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy NGUYỄN-HỮU-KÍNH (14-11-52)
PHỤ-TÁ TRUNG-ĐỘI-TRƯỞNG TRUNG-ĐỘI 6/ĐD11/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy NGUYỄN-THÀNH-ÔNG (17-10-42)
ĐAT THUỐC QUYỀN XỬ DỤNG CỦA ĐD 2/ĐD5/CSQG (Thủ-Đoàn Cảnh Sát Quốc Gia)
- Thiếu-Ủy NGUYỄN-HOÀNG-ĐU (Đoàn Thương-Nghiệp) (16-01-47)
ĐAT THUỐC QUYỀN XỬ DỤNG CỦA ĐD 5/ĐD5/CSQG (Tiểu-Ban Hành-Quân)
- Thiếu-Ủy ĐỖ-PHƯỚC-HOÀNG (07-02-47)
ĐAT THUỐC QUYỀN XỬ DỤNG CỦA ĐD 8/ĐD5/CSQG :
- Thiếu-Ủy ĐẶNG-VĂN-KINH (16-10-44).

Sự-Hạ-Lệnh này có hiệu-lực kể từ ngày ký.

Saigon, ngày 31 tháng 01 năm 1973

loại-nhân :
Các Sĩ-Quan đương-sự

TRƯỞNG BIỆT-ĐOÀN 5/CSQG



Embassy of the United States of America

21 SEP 1989

DATE: _____

IV: 128440

PA: Nguyen Han Kinh

Robert Mullins

Dear Mr. Mullins

This is in response to your inquiry of Nov 17, 1988
regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on Nguyen Han Kinh's 5 years in
reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

Ac

U.S. Orderly Departure Program

10

HOCHIMINH city 19 Sept. 1986

1 Ms/Mrs ALICIA COOPER
Director IRC 1801 W. st., Santa Ana CA 92706-2392 U.S.A.

FROM: NGUYEN HUU KINH ODP Applicant
466/53 Duong 3 thang 2, P12 Q11 Hochiminh city Viet Nam

SUBJECT: Request intervention with ODP in order to get IV# & LOI

DEARABLE DIRECTOR,

May I express my admiration and gratitude to your office which had done many services to help many Vietnamese immigrants and refugees in recent years. It has been widely known that hundreds of letters are incessantly flowing into your office to solicit or help and have got better results so I do hope I'll get the same favor. Please permit me to explain my case as follows:

Prior to April 1975 I was an officer of the former South Vietnamese Police Force working closely with many American advisors. After the fall of South Vietnam I ought to have spent 5 years in many re-education camps and after my release I have encountered many difficulties due to my biography as ex-officer of the South Vietnamese Police Anti Demonstration Force. As you aware life is so hard for people like me and thank to humanitarian measures of U.S. Government people who has suffered because of their collaboration with American authorities will be permitted to settle into the United States. I already sent a questionnaire with full supporting documents to ODP office in Bangkok 2 years ago but until now I've got no answer. I know that many people of my same situation have got a LOI (Letter of Introduction) with your help so I dare to send to you this letter as my last chance. Enclosed herewith a questionnaire with full supporting documents and I highly solicit your intervention whatever deemed necessary with ODP authorities in the U.S. or Bangkok in order I could get a LOI with VEWL#. This document is a must to be entitled to register with Vietnamese Police Migration authorities for an Exit Permit.

Due to the unreliable Vietnamese Post Office delivery, please address your answer via my cousin in the U.S. whose address is as follows:

Mr. THI LUAN LAN

May ALMIGHTY GOD bless you and your beloved ones and I do hope to hear from you in a near future.

Yours faithfully

With enclosures

NGUYEN HUU KINH

NAM CÔNG - HÒA

BÌNH DƯƠNG

CHÂU THÀNH

BỘN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH

Xã Phú Cường

Năm: 1952

Số hiệu: 1183

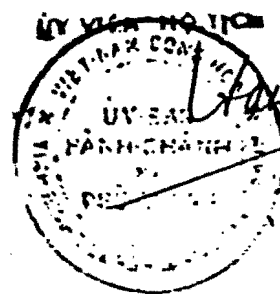


Tên họ đủ - nhĩ	Nguyễn-hữu-Kính
Nam hay Nữ	Nam
Ngày sanh	Ngày mười bốn tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi hai
Nơi sanh	Phú Cường
Tên họ người cha	Nguyễn-hữu-Tĩnh
Nghề nghiệp	Nghiep chủ
Nơi cư ngụ	Chánh Hiệp (thudaumot)
Tên họ người mẹ	Dương-thị-Hiền
Nghề - nghiệp	Hội-trợ
Nơi cư ngụ	Chánh Hiệp (thudaumot)
Vợ chánh hay thứ	

TRÍCH-LỤC Y BỘ CHANH

Phú-Cường ngày 22 tháng 01 năm 1972 P

ỦY VIÊN HỌ TÊN



MIỄN THỊ THỰC

THÔNG TƯ SỐ 4386-BNV/MC/29

NGUYỄN THỊ HAI

Republic of Vietnam
Province BINH DUONG
Quarter CHAU THANH

(15) EXCERPT from Civil Records
1952 No 1183
Quarter PHUOC NG

Name of child NGUYEN HUU KINH (male)

Date of birth 11-14-1952

Place of birth PHUOC NG

Child of - NGUYEN HUU TINH (owner)

Residence THU DAU MOT

and - DUONG THI THIEM (housewife)

Residence THU DAU MOT

Extract from the original record

Phu Cuong 01-29-1972

officer of Civil Record

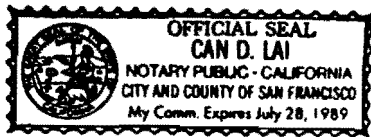
Signature and seal

NGUYEN THI NAI

Translator,
LAM, XUAN THI

Lam Xuan Thi

State of CALIFORNIA
County of SAN FRANCISCO } SS.



On this the 15th day of October 1982, before me,

CAN DINH LAI

the undersigned Notary Public, personally appeared

THU X LAM

☒ personally known to me
☐ proved to me on the basis of satisfactory evidence
to be the person(s) whose name(s) 15 subscribed to the
within instrument, and acknowledged that he executed it.
WITNESS my hand and official seal.

Can D Lai CAN DINH LAI
Notary's Signature

MINISTRY OF INTERIOR
DEPARTMENT OF Q.L.T.G
CAMP OF THU DUC
No. 624/GRT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

R E L E A S E P E R M I T

In accordance to Direction No. 316/TTG issued on Aug 22, 1977 by the Premier of the Government of The Socialist Republic of Viet Nam on the policy in regard to soldiers, officials of the old regime and of the reactionary parties who are now being re-educated in camps.

In accordance to Notice of the Ministries of Defence and Interior No. on about the carrying out of the Direction No. 316/TTG issued on 8/22/1977 by the Premier of the Government.

In carrying out the Release Decision No. 119 issued on Aug 15, 1980 by the Minister of Interior,

THE RELEASE PERMIT IS ISSUED TO

Full name : NGUYEN HUU KINH
Birth date : NOVEMBER 14, 1952
Birth Place : THU DAU MOT
Residence : 18/186 KHOM 6 PHUONG PHU HOA, QUAN 11, HO CHI MINH CTY
S/N No., Rank and function in the civil, military structure of the old regime and of the reactionary parties : Second Lieutenant, Platoon Leader of the Combat Police Force
On returning, this person must submit this permit to People's Committee and Police Department at 117 TO 13 KHU 2, HIEP THANH of THU DAU MOT, SONG BE PROVINCE.

He must comply to all regulations of People's committee of the Province on parole, residence and other aspects.

Period of parole : 12 months

Itinary Period : 3 days (from the day this permit is issued)

Itinary food and money have been provided to this person.

Fingerprint of right thumb

SEPTEMBER 11, 1980

of NGUYEN HUU KINH

DEPUTY SUPERINTENDENT

SIGNATURE OF PERMIT HOLDER

CAPTAIN PHAN HUU PHUC

(Signed)

(Signed and sealed)

TRUE COPY FROM THE ORIGINAL

MARCH 7, 1986

FOR PEOPLE'S COMMITTEE OF LOCALE 12, DISTRICT 11

RECORD OFFICIAL

(Signature and seal not clear)

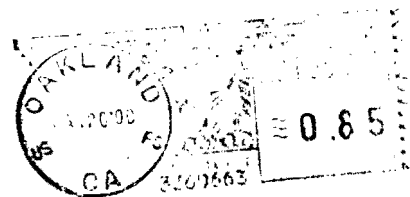
I do hereby certify that the foregoing translation of the Vietnamese document is true and correct to the best of my knowledge and belief.
Subscribed and sworn to before me
this 10th day of NOVEMBER, 1986

Tho Khanh Nguyen

Dzung Do Nguyen

From: LAM, XUAN THI

**POSTAGE
PAID**



To FAMILIES of Vietnamese POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON,
VA 22205-0635

January 18, 1990

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635

Dear People:

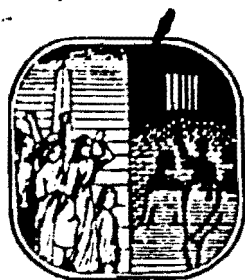
Since 1984 I have been trying to help Nguyen Huu Kinh and his family come to the United States. I have completed many forms and submitted many documents to various government agencies. I am enclosing copies of these forms and documents.

Nguyen Huu Kinh was in a reeducation camp for 5 years. I believe that this qualifies him for consideration for eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program.

Please can you help me to expedite this request.

Lam, Xuan Thi

Lam xuan thi



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes, ☐ No, ☐

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN HỮU KÍNH
Last Middle First
- Current Address 1170/15 đường 3-2 Phường 12 Quận 11, Hồ Chí Minh City
Date of Birth 14-11-1952 Place of Birth Thị trấn một Bình Dương
- Previous Occupation (before 1975) Thiếu úy Trung đội trưởng Cảnh sát dã chiến
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 28-6-1975 To 11-9-1980
3. SPONSOR'S NAME: LÂM XUÂN THỊ
Name
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| <u>LÂM XUÂN THỊ</u> | <u>chú</u> |
| _____ | _____ |
| _____ | _____ |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN HỮU - KÍNH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRẦN THỊ BÃY	9-2-1953	U3
NGUYỄN HỮU GỖ	6-1-1976	con trai ruột
NGUYỄN HỮU HƯNG		con trai ruột
NGUYỄN HỮU KHÁNH	30-3-1985	con trai ruột
NGUYỄN HỮU THUY TRANG	23-11-1987	con gái ruột
TRẦN THỊ HƯỜNG	8-12-1969	cháu

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Rất mong muốn được Hội GD TNCT
hối lòng giúp đỡ để được với vợ nam sang định
cư tại Mỹ.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN HỮU KÍNH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 11 14 1952
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): yes
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 1170/15 đường 3-2 phường 12 Quận 11
(Dia chi tai Viet-Nam) Thành Phố Hồ Chí Minh.

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) co No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 28-6-1975 To (Den): 11-9-1980

PLACE OF RE-EDUCATION: Trai K2 Căn cứ 5 Rừng lá Hầm Tân Thuận Hải (hay cuối)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): thợ máy + thợ hàn

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu úy Cảnh sát đã chiến Biệt đoàn 5
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Tổng đội trưởng Trung đội 3 đại đội 9 BQ 5 Date (nam): 1973

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): co tháng 10/1984 + 1985
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 5 người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 1170/15 đường 3-2
phường 12 Quận 11 TP Hồ Chí Minh.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Lâm xuân Thi (cháu)

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): cháu

NAME & SIGNATURE: nguyễn - hữu - kính
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 1170/15 đường
3-2 P12 Q11 TP Hồ Chí Minh

DATE: 11/14
11/14
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN - HỮU - KÍNH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần - Chi - Bẩy	9-2-1953	Vợ
Nguyễn - Hữu - Gỏi	6-1-1976	con trai ruột
Nguyễn - Hữu - Hùng		con trai nuôi
Nguyễn - Hữu - Khánh	30-3-1985	con trai ruột
Nguyễn Thị Thùy Trang	23-4-1987	con gái ruột
TRẦN THỊ HUƠNG	8-12-1969	cháu

DEPENDENT'S ADDRESS IS DIFFERENT FROM ABOVE:

ADDITIONAL INFORMATION : Rất mong muốn được Hội GATHCT kết nối giúp đỡ để được rời nơi giam giữ đang định cư tại Mỹ

BỘ NỘI VỤ
CỤC Q.L.T.G
Trại Thủ Đức
Số 64/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TG ngày 22-8-1977 của Thủ tướng chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản cộng hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên Bộ Quốc phòng-Nội Vụ số ... ngày ... về việc thực hiện chỉ thị số 316/TG ngày 22-8-1977 của Thủ tướng chính phủ.

Thi hành quyết định của số: 109 Ngày 10 tháng 8 năm 1980 của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: *Nguyễn Hữu Kinh*

Ngày, tháng, năm sinh: *14. 11. 1952*

Quê quán: *Thị trấn Mốt*

Trú quán: *18/10C Khu 6 Phường Thủ Đức Quận 11 TP. HCM*

Số lịch cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị, phản động của chế độ cũ.

Thước kẻ: Trung đội trưởng Công an xã cũ.....

- Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với ủy ban nhân dân và công an xã phường: *117-10-13 Khu 2, Hiệp Thành*

Thuộc Huyện, quận TX *Thị trấn Mốt*, Tỉnh, Thành phố: *Sông Bé*

và phải tuân theo các quy định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế: *12 tháng (từ khi khai hàng)*

- Thời hạn đi lương: *03* ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)
Tiền và lương thanh đi đường sẽ cấp từ trại về đến gia đình.

.....*97/8/80*.....

Ngày *10* tháng *9* năm *1980*

PHÓ GIÁM TRẠI

Lên tay nhận trở lại
của: *Nguyễn Hữu Kinh*

Người được cấp
giấy ra

Kinh

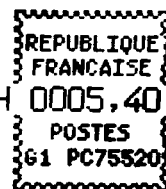
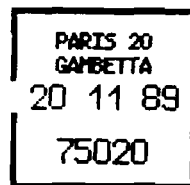
Phạm Hữu Phúc

Exp. M. NGUYEN HUU KINH

1170 / 15 ĐƯỜNG 3/2

P. 12 Quận 11

TPHCM VIETNAM



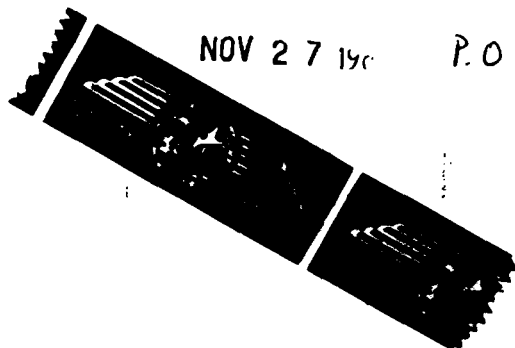
TO : FAMILIES OF VIETNAMESE

POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

NOV 27 1989

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635

U.S.A





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171: Yes, ☐ No, ☐

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

NGUYỄN
Last

HỮU
Middle

KÍNH
First

Current Address 1170/15 Đường 3-2 Phường 12 Quận 11

Date of Birth November 14th 1952 Place of Birth Tiểu Cần M51

Previous Occupation (before 1975) Thiếu úy Trung đội Trưởng Cảnh Sát địa phương
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 28-6-1975 To 11-9-1980

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THỊ HỮU MINH
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

LAM XUAN THU

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN HỮU KÍNH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRẦN THỊ BÃY	9-2-1953	Vợ
NGUYỄN HỮU GỖ	6-1-1936	con trai
NGUYỄN HỮU KHÁNH	30-3-1985	con trai
NGUYỄN HỮU THỦY TRĂNG	23-11-1987	con gái

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Muốn được định cư tại Mỹ.

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý:

1. — Giấy kiểm tra này dành cho những người cư trú không hợp pháp.
2. — Khi mất phải báo ngay cho chính quyền địa phương (công an) biết.
3. — Khi muốn chuyển đi đâu phải được phép của chính quyền địa phương (công an).
4. — Không cho người khác mượn giấy này.
5. — Giấy kiểm tra này không có giá trị thay tờ Hộ khẩu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6

GIẤY KIỂM TRA

NGƯỜI CƯ TRÚ KHÔNG HỢP PHÁP

Số: _____/KT

Họ và tên chủ hộ: Tạ Văn Chi

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà 170/15

Đường phố (ấp): Đường 2 Phường (xã): 12

Quận (huyện): 11

Ngày 10 tháng 04 năm 1989

TRƯỞNG CÔNG AN

(Ký tên đóng dấu)

PHÓ CÔNG AN PHƯỜNG 12



Tên: Chi

NHỮNG NGƯỜI TRONG HỘ

[illegible]

TP Hồ Chí Minh ngày 8 tháng 9 năm 1989.

Kính gửi Ông Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích

Kính thưa Ông, hôm nay tôi viết thư này kính gửi đến Ông, kính thưa tôi xin kính gửi lời chào hỏi. Đến Ông, cô quý Bà Thôn họ. Vào ngày 27-28/7 năm 1989 tôi được biết có sự ký kết thỏa thuận của Mỹ+VN đồng ý cho những người hoạt động cải tạo đến sĩ quan đi đến có được tình cảm Mỹ.

May tôi viết thư này kính gửi đến Ông. Kính mong Ông vui lòng giúp đỡ cho tôi được ghi tên vào danh sách được tình cảm sang Mỹ do chính phủ Mỹ lập danh sách. Hiện nay tôi đang đang ký xin xuất cảnh tại đây VN, tôi sẽ gửi biên bản này, ký xin xuất cảnh sẽ như giấy tờ khác sang bên đây. Tôi mong rằng Ông sẽ tận tình giúp đỡ cho tôi được tạo nguyên. Hiện nay tôi chỉ mong vào sự giúp đỡ của Ông mà thôi.

Trân trọng kính chào Ông. Chúc Ông và quý Bà Thôn họ luôn mạnh khỏe có nhiều sức khỏe hơn nữa, để cho tôi cũng như tất cả mọi người khác.

Nguyễn Hữu Minh

110/15 đường 3-2
P12 Q11
Ho Chi Minh City.

Minh

American Council for Nationalities Service
20 West 40th Street, New York, N.Y. 10018

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
QUESTIONNAIRE/AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
(To be completed by U.S. Relative)

Telex Number: 62492 LW
Cable Address: NAISERVE N.Y.

SECTION I.

My name is LAM, XUAN THI
Other names I have used _____
My date of birth 10/17/1917
My place of birth HUE CENTER VIETNAM
My present address _____

My phone number is 444 9148

SECTION II.

I entered the U.S. on 10/29/1981 from PHILIPPINES
(date) (country)
My status in the U.S. is ☐ Parolee ☒ Permanent Resident
☐ U.S. Citizen ☐ Conditional Entrant
My ALIEN REGISTRATION NUMBER IS: A- 25-294633
My NATURALIZATION CERTIFICATE NUMBER IS: _____
Voluntary Agency ACNS

SECTION III.

These are my immediate relatives whom I have requested to join me from Vietnam:

NAME	RELATION- SHIP	DATE & PLACE OF BIRTH	PRESENT ADDRESS	EXIT PERMIT # (if avail- able)	I HAVE FILED AN IMMIGRANT VISA PETITION OFFICE	IF YES: CITY OF INS FILED	DATE APPROVED	COUNTRY PETITION WAS SENT TO
NGUYEN, HUU KINH	Nephew	11/14/1952 V.N	466/53; DUONG 3 THANH 2 F12 Q11 HO CHI MINH VN		NO	YES		
TRAN, THI BAY	Nephew's wife	02/9/1953 V.N						
NGUYEN, HUU GOI	Nephew's son	01/06/1976 V.N	above					
NGUYEN, HUU KHANH	Nephew's son	03/30/1985 V.N	above					

These are persons whom I have requested to accompany my relative(s) from Vietnam:

_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____	_____

SECTION IV.

The following are persons whom I would like to join me from Vietnam (listed in SECTION 3), AND who were closely associated with U.S. programs, U.S. government organizations, or U.S. firms in Vietnam before April 1975:

NAME	DESCRIPTION OF ASSOCIATION (if possible include dates, positions, supervisors, nature of duties, awards, etc.)

SECTION V.

These are the rest of my family members NOT listed in SECTION III. (Please include your parents, brothers, sisters, spouse, and children. Please include persons who are deceased as well.)

NAME	RELATIONSHIP	DATE/PLACE OF BIRTH	PRESENT ADDRESS
NGUYEN THI MINH LINH	Wife	1935	139 HIS LY CHINH TRUNG Q3 HOCHIMINH CITY VIETNAM
LAM, XUAN HUNG	Son	1952	285 NGUYEN TRAI Q1 HOCHIMINH (Saigon VIETNAM)
LAM, XUAN DUC	grandson	1976	(near Rm Hat Quoc Thanh) HOCHIMINH City (VIETNAM)

SECTION VI.

If you are married:

NAME OF WIFE/HUSBAND	DATE/PLACE OF BIRTH	PRESENT ADDRESS

Give the date and place where you were married: _____

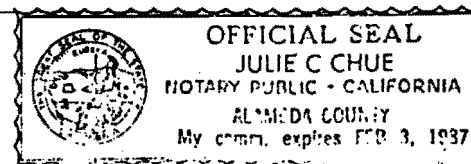
SECTION VII.

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature X. Lammanth Date 11/7/86

Subscribed and sworn to before me,

Julie C. Chue
(Signature of Notary Public)



Nov. 7th 1986

(Date)

My commission expires: Feb. 3rd, 1987

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN HỮU KÍNH
Last (Ten họ) Middle (Giữa) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 11/11/1952
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): Có
(Tình trạng gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 1170/15 Đường 3-2 Phường 12 Quận 11
(Dia chi tai Viet-Nam) TP Hồ Chí Minh

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 28-6-1975 To (Den): 11-9-1980

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Tam giác Bình Hòa - Trảng Lớn - Campuchia - cũ tam - Căn 05 Trảng Lớn
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep):

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu úy

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Trưởng đơn vị cảnh sát
đã chiến Date (năm): 1973

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Có năm 1976

IV Number (So ho so): chưa có

No (Khong): chưa có

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo):
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 1170/15 Đường 3-2 Phường 12 Quận 11 TP Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): Nguyễn Thị Bình (chị ruột) 116 rue de Ménilmontant
75020 Paris France

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): chị ruột

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 1170/15 Đường 3-2 Phường 12 Quận 11 TP Hồ Chí Minh

DATE: Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

9

8th

1989

Handwritten signature

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

NGUYỄN - HUU - KINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần - Thị - Bầy	September 9-2-1953	Vợ
NGUYỄN - HUU - GỎI	6-1-1976	con trai
NGUYỄN - HUU - KHÁNH	30-3-1985	con trai
nguyễn huu thủy trang	13-4-1987	con gái

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above):

ADDITIONAL INFORMATION :

Muốn được tính cư tại Mỹ.

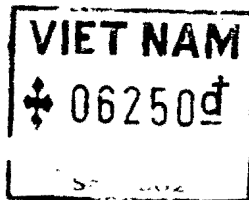
FROM: Nguyễn Hữu - Kinh

1470/15 - tháng 3/89

P12

PAR AVION

TP. Hồ Chí Minh



SEP 25 1989



TO: Mn Nguyễn - Ngọc - Bích

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635

TL 703-560-0058

USA

PAR AVION VIA AIR MAIL.



85



FROM:

nguyễn hân
1170/15 đường 3/8 P.1290

PAR AVION



VIETNAM

4 80 0đ

BUU CHINH
SM: 046

DEC 2 7 1990



TO: Khúc Minh Thô
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635
USA



85

00

FROM:

Nguyễn Văn - Kinh
1700/15 Tháng 3/2 P12
201 10-10-1990

PARAVION



VIET NAM

✠ 06800đ

BƯU CHÍNH
G01

DEC '2 7 1990

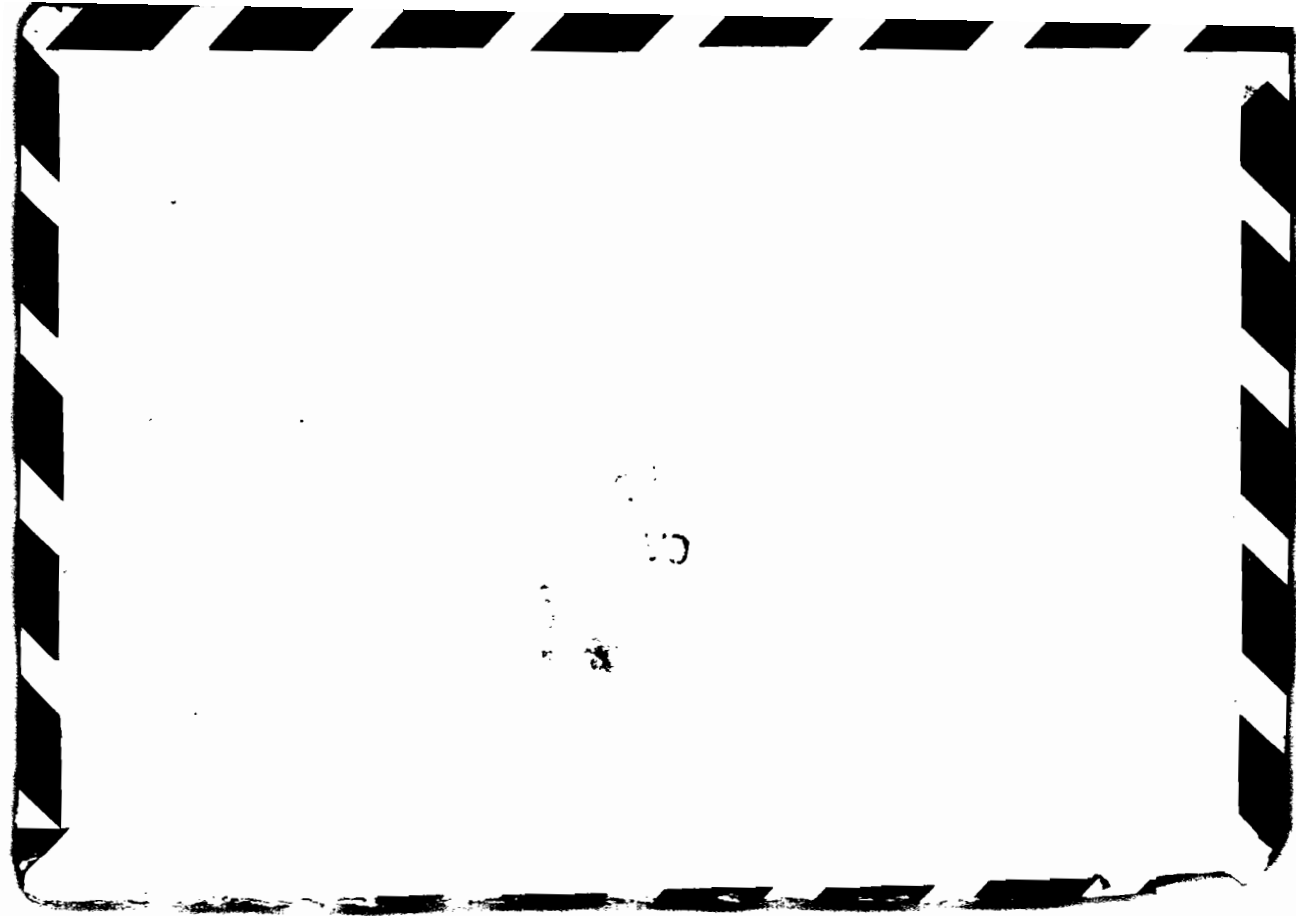


TO: Bà Khúc Minh Thò

P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635

USA



Thành phố Hồ Chí Minh ngày 6 tháng 12 năm 1990

Kính thưa Bà.

Cách đây 2 năm tôi đã bàn thờ kính gửi đến Bà và đã được bà hồi âm.

Mong tôi đã có gặp với cảnh đó như nước CHXH CH với Nam. cấp. Do đó tôi không gửi đến Bà bản sao giấy tờ của tôi. Kính mong bà hãy quan tâm giúp đỡ để tôi có cơ hội được chữa phôi phôi sau cho phôi này có thể nhập cảnh sang Mỹ.

Coi kính gửi lại thăm hỏi và các chúc sức khỏe cho Bà và quý ông ở đây.

Coi xin kính cảm ơn Bà và kính chào Bà.

Nguyễn Hữu Kính.

Nguyễn Hữu Kính

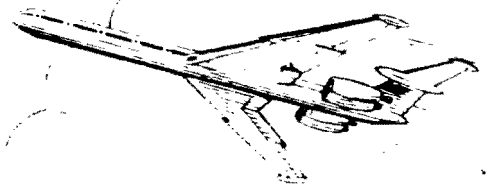
17/10/15 Tháng 1/2

PA2 Q11

Uent

TP Hồ Chí Minh

TB. S' IV của tôi ở Thủ Đức là IV. 128440.



Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/12/1990

Kính thưa Bà,

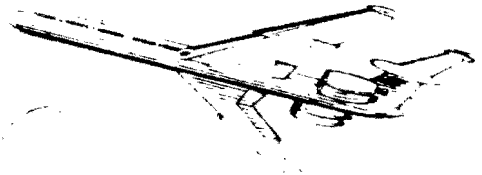
Kính qua 10/12/1990 tôi đã gửi đến Bà 1 bức thư kèm theo
các giấy tờ xuất cảnh nhưng tôi quên gửi là thư cho Bà.
May tôi gửi thư này và xin Bà thứ lỗi cho sự dốt nát của tôi.

Chưa bà tôi xin được nhất là tôi là sĩ quan chỉ
đạo về đồ học tập cá nhân năm 3 tháng. Hay tôi được chính
phủ với các xuất cảnh được sĩ quan đồ học tập cá nhân
theo danh sách số H23. Kính xin Bà hãy làm ơn giúp
đỡ cho tôi được chính phủ Hoa Kỳ cho nhập cảnh và xin
được tạm hoãn visa. Thành thật cảm ơn Bà.

Kính chào Bà. Kính chúc Bà luôn luôn khỏe
mạnh.

Nguyễn Văn Kính

Linh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 22212 B/200C₁
Nº

Họ và tên Full name

NGUYỄN HỮU KINH

Ngày sinh Date of birth

1952

Nơi sinh Place of birth

Sông Bé

Chỗ ở Don: ile

Trụ 2 ở Chi Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

01.12.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIESCấp tại Tp. HCM ngày 01 tháng 12 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Công phòng

Nguyễn Thị Thanh

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

2

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

3

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

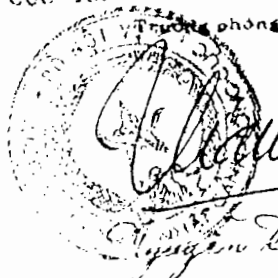
BỊ CHÚ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 22450 XC
 Cấp cho Quốc Nhân Kinh
 Công vụ Con trẻ em
 Đến nước Tên chúng quốc Hoa Kỳ
 Quốc gia khác Cần Sơn nhất
 Trượt ngày 01.6.1991
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Nguyễn Thị Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 2224B/90TC

Họ và tên *Full name*

TRẦN THỊ BÀ

Ngày sinh *Date of birth*

1953

Nơi sinh *Place of birth*

Cẩm Long

Chỗ ở *Domicile*

Xã Hòa Chi Minh

Nghề nghiệp *Occupation*Chiều cao *Height*Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

01 12 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Tp. HCM ngày 01 tháng 12 năm 1990

Issued at

on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Thị Thanh

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

noib ngh eig oph vñb uñib oñ



Họ và tên Full name

Nguyễn Hữu Bình

Ngày sinh Date of birth

1977

Nơi sinh Place of birth

Quảng Trị



Họ và tên Full name

Nguyễn Thị Khánh

Ngày sinh Date of birth

1985

Nơi sinh Place of birth

Tp. Hồ Chí Minh



Họ và tên Full name

Nguyễn Thị Thùy Dung

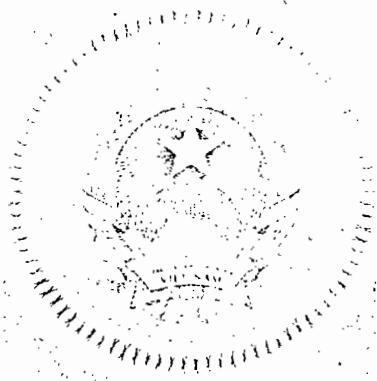
Ngày sinh Date of birth

1987

Nơi sinh Place of birth

Tp. Hồ Chí Minh

BỊ CHỮ — REMARKS



THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 2242/XC
 Cấp cho Trần Thị Bảy
 Cùng với 12 trẻ em
 Đến nước Cộng hòa quốc Hoa Kỳ
 Qua cửa khẩu Đầu Sơn nhất
 Trước ngày 01.6.1991
 TP. Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 12 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Nguyễn Thị Thanh

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 222168/90TC

Họ và tên *Full name*

NGUYỄN HỮU GỖI

Ngày sinh *Date of birth*

1976

Nơi sinh *Place of birth*

Sông Long

Chỗ ở *Domicile*

Tr. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp *Occupation*Chiều cao *Height*Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

01.12.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

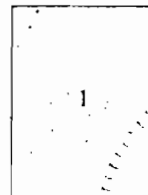
Cấp tại TP. HCM ngày 01 tháng 12 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Thị Thanh

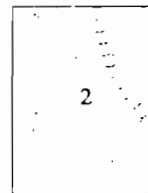
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

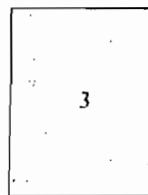
Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

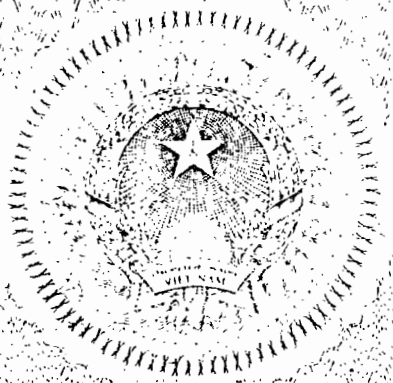
Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



THỰC THỰC XUẤT CẢNH

Số 22454
 Cấp cho Nguyễn Văn Xuân Gôi
 Công việc liền em
 Đến nước Việt Nam Cộng Hòa
 Công việc khác Quản Sơn nhất
 Trước ngày 01.6.1994
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Văn Xuân

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ XNC

Số: 22 / 1 / 118

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 12 năm 19 90.

PHIẾU BẢO TIN

Kính gửi: Ô Nguyễn Hòa Kính

Địa chỉ thường trú: 1170/15 Đường 3/2 P.12 Q.11

Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Nội vụ xin báo tin đề Ông biết

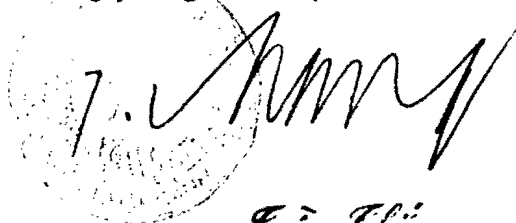
Bộ Nội vụ đồng ý cho gia đình Ông gồm 6 người xuất cảnh

đi Mỹ và đã cấp hộ chiếu từ số 22 2128 đến 22 216 B/90

Chúng tôi đã lên danh sách số: H23 chuyển Bộ Ngoại giao
đề trao cho Chính phủ: Mỹ xét tiếp xúc làm thủ tục nhập cảnh.

Xin báo đề Ông biết.

Trưởng phòng Quản lý XNC



Trần Thành

16.684
6/12

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership Letter

10/15/89 doi gñy
na hai